

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành, khóa XII, kỳ họp thứ 5 về việc dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành Công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2023 cụ thể như sau:

1. VỀ THU NSNN:

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 196,45 tỷ đồng, đạt 99,4% dự toán, bằng 97,8% cùng kỳ

2. VỀ CHI NSDP:

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 646,76 tỷ đồng, đạt 90% dự toán, bằng 90,3% cùng kỳ, trong đó:

Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 420,72 tỷ đồng, đạt 76,6% dự toán, bằng 73% cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 58,93 tỷ đồng, đạt 112% dự toán, bằng 26,5% cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 361,79 tỷ đồng, đạt 74,5% dự toán, tăng 2,9% cùng kỳ;

- Chi các CTMT, nhiệm vụ: 152,98 tỷ đồng, đạt 90,6% dự toán.

III. CÂN ĐỐI THU, CHI NSDP

1. Tổng thu NSDP 889,36 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 203,38 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NST 427,69 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn 185,32 tỷ đồng.

- Thu bổ sung ngân sách xã 72,96 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP 646.78 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 420,72 tỷ đồng.

- Chi các CTMT, nhiệm vụ 152,98 tỷ đồng.
 - Chi bổ sung ngân sách xã 72,96 tỷ đồng.
- (Kèm biểu mẫu số 93, 94, 95/CK-NSNN)

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

1.1. Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban, ngành huyện với các xã, thị trấn; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán, có 06/12 khoản thu đạt vượt 75% trở lên so chỉ tiêu pháp lệnh cụ thể: Thuế Thu nhập doanh nghiệp: 139,2%; Thuế GTGT: 114,2%; Thuế TTĐB 210,4%; Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: 91,8%; Thu tiền sử dụng đất: 161,1%; Thu khác tại xã đạt 114,8%.

1.2. Về chi ngân sách

Thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định. Trong đó:

- Tổ chức điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; đảm bảo theo chủ trương của nhà nước về chi an sinh xã hội.

- Chi thường xuyên đảm bảo các nhu cầu chi theo dự toán như: chi đảm bảo an sinh xã hội, chi giáo dục đào tạo, chi quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương 9 tháng đầu năm 2023./.

Nơi nhận :

- Phòng TCKH;
- TTHU, TTHĐND;
- VP HĐND & UBND (Đăng Công thông tin điện tử huyện)
- Lưu: VT.





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	718.356	889.359	123,8%	101,7%
I	Thu cân đối NSNN	200.661	203.384	101,4%	95,5%
1	Thu nội địa	200.661	203.384	101,4%	95,5%
2	Thu viện trợ	-			
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		185.321		182,0%
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	517.695	427.693	82,6%	87,4%
IV	Nguồn CCTL đơn vị tự đảm bảo				
V	Thu của đơn vị sự nghiệp (đảm bảo hoạt động chi TX)				
VI	Thu bổ sung ngân sách xã		72.961		102,9%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	718.356	646.775	90,0%	90,3%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	549.550	420.723	76,6%	73,0%
1	Chi đầu tư phát triển	52.620	58.934	112,0%	26,5%
2	Chi thường xuyên	485.930	361.789	74,5%	102,9%
3	Dự phòng ngân sách	11.000		0,0%	
II	Chi tạm ứng		115		0,2%
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh	168.806	152.976	90,6%	1824,4%
IV	Chi bổ sung ngân sách xã		72.961		100,7%





ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	205.161	203.384	99,1%	95,53%
I	Thu nội địa	197.700	196.454	99,4%	97,79%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	63.700	73.937	116,1%	220,20%
1.1	Thuế TNDN	3.070	4.272	139,2%	155,66%
1.2	Thuế Tài nguyên	3.070	1.559	50,8%	50,73%
1.3	Thuế VAT	57.510	65.701	114,2%	248,42%
1.4	Thuế TTĐB	50	105	210,4%	197,33%
1.5	Thu khác CTN		2.300		182,70%
2	Thuế thu nhập cá nhân	54.000	31.726	58,8%	47,28%
3	Thuế bảo vệ môi trường		-		
4	Lệ phí trước bạ	21.550	13.800	64,0%	61,83%
5	Thu phí, lệ phí	4.000	2.549	63,7%	76,70%
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		31		31,73%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	700	474	67,7%	
8	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	650	597	91,8%	49,45%
9	Thu tiền sử dụng đất	42.000	67.673	161,1%	109,36%
10	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-		
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-		
13	Thu khác ngân sách	8.800	3.027	34,4%	39,56%
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		-		
15	Thu khác tại xã	2.300	2.641	114,8%	85,89%
16	Các khoản đóng góp tự nguyện khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.461	6.930	92,9%	57,80%
1	Từ các khoản thu phân chia	7.461	6.930	92,9%	57,80%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				





Biểu số 95/CK-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	739.676	551.548	74,6%	89,7%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	631.356	462.182	73,2%	86,6%
I	Chi đầu tư phát triển	245.411	211.694	86,3%	95,2%
1	Nguồn vốn XDCB tập trung	8.620	8.182	94,9%	84,5%
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	42.000	27.044	64,4%	315,1%
3	Chi đầu tư phát triển quỹ đất				
4	Chi ủy thác qua ngân hàng chính sách	2.000	2.000	100,0%	666,7%
5	Vốn ngân sách tỉnh BSMT	135.415	141.656	104,6%	74,1%
6	Tạm ứng năm trước chuyển sang		11.462		185,4%
7	Nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2022 chuyển sang	57.376	21.349		
II	Chi thường xuyên	377.167	250.033	66,3%	93,9%
	Trong đó:		-		
1	Chi An ninh	754	461	61,1%	15,0%
2	Chi Quốc phòng	4.401	4.034	91,7%	
3	Chi đặc thù huyện biên giới	240	-	0,0%	
4	Chi SN giáo dục, đào tạo, dạy nghề	246.770	166.471	67,5%	106,9%
5	Chi SN khoa học, công nghệ	230	6	2,6%	
6	Chi SN văn hóa thông tin	1.924	1.452	75,4%	102,6%
7	Chi SN phát thanh, truyền hình	120	78	65,1%	149,4%
8	Chi SN thể dục, thể thao	450	366	81,3%	70,3%
9	Chi SN đảm bảo xã hội	41.653	38.600	92,7%	
10	Chi SN kinh tế	32.719	9.157	28,0%	86,5%
11	Chi SN môi trường	6.090	2.076	34,1%	36,5%
12	Chi SN Y tế	3.782	2.916	77,1%	126,0%
13	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	34.379	24.256	70,6%	
14	Chi khác ngân sách	1.191	161	13,5%	
15	Tiết kiệm chi TX 10% tăng thêm so với năm 2022	2.464	-	0,0%	
III	Dự phòng ngân sách	8.778	340	3,9%	
IV	Chi tạm ứng		115		0,3%
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	33.432	16.405	49,1%	195,7%
I	Bổ sung mục tiêu đầu năm	33.432	14.738	44,1%	12819,2%
II	Bổ sung mục tiêu trong năm		1.667		
C	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	74.888	72.961	97,4%	100,7%

